

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 235/2023/DS-GĐT

Ngày: 21/9/2023

V/v: *Tranh chấp di sản thừa kế;  
chia tài sản chung.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Thành phần Ủy ban Thẩm phán gồm có:** 10/13 thành viên tham gia xét xử, do ông Trần Văn Châu, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ tọa phiên tòa.

**Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Xuân Luyến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp di sản thừa kế; chia tài sản chung*”, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Diệp X, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số A T, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:**

2.1. Bà Nguyễn Thị Hoàng S, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số E T, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số A T, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Số C H, Phường G, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Bà Dương Thị Tuyết D, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số B, ấp E, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Bà Đoàn Thị T1, sinh năm 1935.

3.4. Bà Nguyễn Thị Hồng T2, sinh năm 1968.

3.5. Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Số B, ấp A, xã V, huyện C, tỉnh Long An.

3.6. Phòng C tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Đường H, Phường G, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.7. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số B T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diệp X trình bày:*

Cụ Nguyễn Văn T3 (chết tháng 6/2017) và cụ Trần Thị X1 (chết tháng 5/2018) có một người con là ông Nguyễn Thành T, bà gọi cụ T3 là bác ruột. Do cụ X1 bị bệnh tai biến nhiều năm, không ai chăm sóc nên cụ T3 kêu bà về sống và chăm sóc cụ X1 tại nhà số A T, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang từ năm 2007. Cụ X1 bị bệnh, trí nhớ không phục hồi được nên cụ T3 đã có đơn yêu cầu tuyên bố cụ X1 bị mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định số 08/2015/QĐST-DS ngày 26/11/2015 của Tòa án nhân dân thành phố M.

Khi còn sống, cụ T3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02626QSDD/787/QĐ.UB ngày 30/9/2004 đối với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.640,7m<sup>2</sup> tọa lạc tại số A, T, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, trên đất có căn nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu. Ngày 26/3/2015, cụ T3 lập di chúc số công chứng 51, quyển số 1 tại Phòng C tỉnh Tiền Giang để định đoạt toàn bộ phần đất trên cho bà được trọn quyền thừa hưởng.

Ngày 15/6/2017, cụ T3 chết, bà làm thủ tục khai nhận di sản theo di chúc thì bị bà Nguyễn Thị Hoàng S ngăn cản nên không thực hiện được và đưa bà Dương Thị Tuyết D đến sống trên đất vì bà S cho rằng lúc còn sống thì cụ T3 đã cho bà S một phần đất tại địa chỉ này. Theo di chúc, cụ T3 định đoạt toàn bộ quyền sử dụng đất của cụ trong thửa số 49 cho bà, cụ thể 1.640,7m<sup>2</sup>: 2 = 820,35m<sup>2</sup>, như vậy cụ T3 có 820,35m<sup>2</sup>, cụ X1 có 820,35m<sup>2</sup>.

Nay bà yêu cầu xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ T3 và cụ X1 là ông T. Xác định di sản do cụ T3 và cụ X1 để lại là phần đất diện tích 1.640,7m<sup>2</sup> thuộc thửa số 49, tờ bản đồ số 17. Xác định bà là người thừa kế hợp pháp di chúc số 51, quyển số 1TP/CC-SCC/DC ngày 26/3/2015. Yêu cầu ông T chia cho bà ½ diện tích đất là 820,35m<sup>2</sup>. Yêu cầu bà S chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc quản lý, sử dụng đất được chia để chị liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đứng tên quyền sử dụng đất. Yêu cầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:*

Vào năm 1985, cha ông là cụ Nguyễn Văn T3 được Quân khu 9 cấp tạm một phần đất để cất nhà ở thuộc trường V. Ngày 10/02/1992, Quân khu I mới làm giấy chứng nhận sử dụng trong quân đội và ngày 30/9/2004 được UBND thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 49, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.640,7m<sup>2</sup> cho hộ cụ T3 tại số A, L, Phường F, thành phố M. Hộ khẩu gia đình ông được cấp ngày 4/12/2002.

Căn cứ khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 quy định hộ gia đình sử dụng đất thì ông được 1/3 quyền sử dụng đất là 1.640,7m<sup>2</sup> : 3 = 546,9m<sup>2</sup>. Ông không đồng ý chia 1/2 diện tích đất cho bà X1, chỉ đồng ý chia 1/3 là 546,9m<sup>2</sup>.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng S trình bày:*

Bà là con ruột của cụ T3 và cụ X1. Bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02626QSDD/787/QĐ.UB ngày 30/9/2004. Yêu cầu tuyên bố di chúc số 51 ngày 26/3/2015 của Phòng C bị vô hiệu. Xác định phần đất thửa số 49 là tài sản chung của cụ T3, cụ T1, bà S, bà T2, bà L và chia tài sản chung làm 05 phần là 1.640,7m<sup>2</sup> : 5 = 328,14m<sup>2</sup>. Đối với phần của cụ T3, yêu cầu chia cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ T3 gồm cụ T1, bà S, bà L, bà T2, ông T là 328,14m<sup>2</sup> : 5 = 65,628m<sup>2</sup>. Bà xin được nhận hiện vật.

Bà Nguyễn Thị Hoàng S phản tố yêu cầu chia phần đất tranh chấp làm 03 phần cho cụ T3, cụ T1, bà S. Phần của cụ T3 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho cụ T1, ông T, bà S, bà L, bà T2.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố M trình bày:*

Phần đất tranh chấp tọa lạc tại khu phố A, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc do Quân khu I cấp cho cụ Nguyễn Văn T4 (Nguyễn Văn T3) theo giấy chứng nhận sử dụng nhà, đất trong quân đội số 1052/TTND ngày 10/2/1992 với diện tích 1.000m<sup>2</sup>.

Ngày 31/10/2000, cụ T3 có đơn đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất trên, đơn được Hội đồng xét duyệt cấp giấy Phường F xác nhận “*cụ Nguyễn Văn T3 sử dụng đất thổ cư, đất vườn do Quân khu I giao năm 1985 cho đến nay, không tranh chấp, không quy hoạch, Hội đồng thống nhất cấp*”.

Trên cơ sở đó, ngày 30/9/2004, Ủy ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02626QSDD/787/QĐ.UB (05/9/2003) cho hộ cụ Nguyễn Văn T3 với diện tích 1.640,7m<sup>2</sup>, trong đó có 68,4m<sup>2</sup> đất ở và 1.572,3m<sup>2</sup> đất vườn thuộc tờ bản đồ số 17, thửa số 49. Nhận thấy, phần đất cụ T3 được Quân khu 9 cấp sử dụng ổn định từ trước ngày 13/10/1993, đã được Hội đồng xét duyệt cấp giấy Phường 6 xác nhận đất không tranh chấp, việc Ủy ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02626QSDD/787/QĐ.UB đối với phần đất trên cho hộ cụ T3 là đúng quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai 2003.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Đoàn Thị T1 trình bày:*

Cụ và cụ T3 kết hôn năm 1953, có làm lễ tuyên bố trong doanh trại quân đội nơi cụ T3 công tác (không có làm giấy đăng ký kết hôn). Sau khi cưới, cụ T3 tập kết ra B, cụ ở nhà chăm sóc cha mẹ chồng. Năm 1974, cụ T3 trở về và vợ chồng có sinh một người con chung là bà S. Ngoài ra, cụ có hai người con riêng là bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Hồng T2, sinh năm 1968 được cụ T3 nuôi dưỡng từ nhỏ đến lớn và khai sinh tên cha là cụ T3.

Năm 1985, cụ và cụ T3 được Quân khu I cấp một phần đất 1.000m<sup>2</sup> tại số A L (thực tế khi đo đạc cấp giấy là 1.640,7m<sup>2</sup>) theo chế độ dành cho sĩ quan quân đội. Năm 1986, cụ T3 đăng ký kết hôn với cụ Trần Thị X1 nhưng không ly hôn bà. Cụ T3 và cụ X1 không có con chung nên nhận nuôi ông Nguyễn Thành T và làm giấy khai sinh. Năm 2004, cụ T3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi hộ gia đình cụ T3 nhưng đây không phải tài sản chung của hộ năm 2004 mà là của hộ năm 1985 gồm cụ và bà S.

Năm 2015, cụ T3 lập di chúc cho cháu là bà Xuân phần đất trên vào thời điểm không còn minh mẫn do cụ T3 bị bệnh sa sút trí tuệ nhiều năm, không có hồ sơ giám định tâm thần kèm theo, di chúc không người làm chứng nhưng công chứng viên vẫn công chứng di chúc là trái quy định pháp luật. Nay cụ yêu cầu xác định phần đất diện tích 1.640,7m<sup>2</sup> là tài sản chung của cụ T3, cụ và bà S. Tuyên bố di chúc số 51 ngày 26/3/2015 của Phòng C bị vô hiệu. Chia cho cụ 1/3 diện tích đất là 490,23m<sup>2</sup>, xin nhận hiện vật. Đối với 1/3 di sản của cụ T3 thì yêu cầu chia làm 05 kỷ phần cho cụ, bà S, bà T2, bà L, ông T, mỗi kỷ phần là 98,046m<sup>2</sup>.

Bà Nguyễn Thị Hồng L và bà Nguyễn Thị Hồng T2 có yêu cầu độc lập, cùng yêu cầu với cụ Đoàn Thị T1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2022/DS-ST ngày 15/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang quyết định:

*Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diệp X về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hoàng S chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc quản lý, sử dụng đất được chia để liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đứng tên quyền sử dụng đất.*

*Đình chỉ phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Hoàng S về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02626/QSDD/787/QĐ.UB ngày 30/9/2004.*

*Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diệp X về việc chia thừa kế theo di chúc.*

*Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Hoàng S.*

*Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của cụ Đoàn Thị T1, bà Nguyễn Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Hồng T2.*

*Xác định phần đất diện tích 1.640,7m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 1.584,2m<sup>2</sup>, trong đó có 68,4m<sup>2</sup> đất ở đô thị) thuộc thửa số 49, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại số A T,*

*Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn T3, cụ Đoàn Thị T1, bà Nguyễn Thị Hoàng S.*

*Cụ Nguyễn Văn T3, cụ Đoàn Thị T1, bà Nguyễn Thị Hoàng S mỗi người có quyền sử dụng 528,06m<sup>2</sup> (trong 528,06m<sup>2</sup> thì cụ T3 có quyền sử dụng 68,4m<sup>2</sup> đất ở đô thị).*

*Xác định di sản do cụ Nguyễn Văn T3 để lại 528,06m<sup>2</sup>, cụ T3 có quyền sử dụng 68,4m<sup>2</sup> đất ở đô thị.*

*Chia cho ông Nguyễn Thành T diện tích đất 105,6m<sup>2</sup> (kỳ phần thừa kế của cụ T3) và 105,6m<sup>2</sup> trong đó 68,4m<sup>2</sup> đất ở đô thị (kỳ phần thừa kế của cụ Trần Thị X1 để lại) là 211,2m<sup>2</sup>, trên có phần 02 căn nhà do cụ T3, cụ X1 để lại (vị trí T4, T5 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 20/11/2021) với kích thước 7,5m x 28,11m = 211m<sup>2</sup> với tứ cận:*

*Đông giáp ông Phạm Kim T5.*

*Tây giáp phần đất được chia của bà Nguyễn Thị Hoàng S.*

*Nam giáp đất bà Phạm Thị R.*

*Bắc giáp đường T.*

*Chia cho bà Nguyễn Thị Hoàng S phần đất 528,06m<sup>2</sup> + kỳ phần thừa kế của cụ T3 105,6m<sup>2</sup> + phần đất được cụ T1, bà L, bà T2 tặng cho 739,2m<sup>2</sup>, tổng cộng là 1.372,9m<sup>2</sup> với tứ cận:*

*Đông giáp phần đất được chia của ông Nguyễn Thành T.*

*Tây giáp đường bê tông.*

*Nam giáp đất bà Phạm Thị R.*

*Bắc giáp đường T.*

*(Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 20/11/2021).*

*Ghi nhận tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hoàng S hoàn trả lại cho ông T ½ giá trị 03 căn nhà và cây trồng trên đất của cụ T3 và cụ Trần Thị X1 là 219.979.000 đồng.*

*Buộc ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Thị Hoàng S hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Diệp X số tiền 200.000.000 đồng chi phí công sức, quản lý di sản.*

*Bà Sa, ông T được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.*

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 16/8/2022, bà Nguyễn Thị Diệp X và ông Nguyễn Thành T kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2023/DS-PT ngày 05/01/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định:

*Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Diệp X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thành T.*

*Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2022/DS-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.*

*Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diệp X về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hoàng S chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc quản lý, sử dụng đất được chia để liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đứng tên quyền sử dụng đất.*

*Đình chỉ phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Hoàng S về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02626QSDĐ/787/QĐ.UB ngày 30/9/2004.*

*Phần đình chỉ đối với các yêu cầu này có liên quan và được giải quyết trong bản án nên các đương sự không có quyền khởi kiện lại.*

*Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diệp X về việc chia thừa kế theo di chúc.*

*Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Hoàng S.*

*Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của cụ Đoàn Thị T1, bà Nguyễn Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Hồng T2.*

*Xác định phần đất diện tích 1.640,7m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 1.584,2m<sup>2</sup>, có 68,4m<sup>2</sup> đất ở đô thị) thuộc thửa số 49, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại số A T, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn T3, cụ Đoàn Thị T1, bà Nguyễn Thị Hoàng S.*

*Cụ Nguyễn Văn T3, cụ Đoàn Thị T1, bà Nguyễn Thị Hoàng S mỗi người có quyền sử dụng 528,06m<sup>2</sup> (trong 528,06m<sup>2</sup> thì cụ T3 có quyền sử dụng 68,4m<sup>2</sup> đất ở đô thị).*

*Xác định di sản do cụ Nguyễn Văn T3 để lại 528,06m<sup>2</sup>, cụ T3 có quyền sử dụng 68,4m<sup>2</sup> đất ở đô thị.*

*Chia cho ông Nguyễn Thành T diện tích đất 105,6m<sup>2</sup> (kỳ phần thừa kế của cụ T3) và 105,6m<sup>2</sup> trong đó 68,4m<sup>2</sup> đất ở đô thị (kỳ phần thừa kế của cụ Trần Thị X1 để lại) là 211,2m<sup>2</sup>, trên có phần 02 căn nhà do cụ T3, cụ X1 để lại (vị trí T4, T5 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 20/11/2021) với kích thước 7,5m x 28,11m = 211m<sup>2</sup> với tứ cận:*

*Đông giáp ông Phạm Kim T5.*

*Tây giáp phần đất được chia của bà Nguyễn Thị Hoàng S.*

*Nam giáp đất bà Phạm Thị R.*

*Bắc giáp đường T.*

*Chia cho bà Nguyễn Thị Hoàng S phần đất 528,06m<sup>2</sup> + kỹ phần thừa kế của cụ T3 105,6m<sup>2</sup> + phần đất được cụ T1, bà L, bà T2 tặng cho 739,2m<sup>2</sup>, tổng cộng là 1.372,9m<sup>2</sup> với tứ cận:*

*Đông giáp phần đất được chia của ông Nguyễn Thành T.*

*Tây giáp đường bê tông.*

*Nam giáp đất bà Phạm Thị R1.*

*Bắc giáp đường T.*

*(Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 20/11/2021).*

*Ông Nguyễn Thành T có nghĩa vụ di dời mái che tạm có kích thước 66m<sup>2</sup> do ông T xây dựng.*

*Bà Sa, ông T được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.*

*Ghi nhận tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hoàng S hoàn trả lại cho ông T ½ giá trị 03 căn nhà và cây trồng trên đất của cụ T3 và cụ Trần Thị X1 là 219.979.000 đồng.*

*Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hoàng S hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Diệp X số tiền 300.000.000 đồng chi phí công sức nuôi dưỡng, quản lý di sản.*

*Buộc ông Nguyễn Thành T hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Diệp X số tiền 100.000.000 đồng chi phí công sức, quản lý di sản.*

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.*

*Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.*

*Ngày 21/3/2023, ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị Diệp X có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2023/DS-PT ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.*

*Tại Quyết định số 36/2023/KN-DS ngày 22/5/2023, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2023/DS-PT ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, đề nghị*

Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2023/DS-PT ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2022/DS-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh với lý do: Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. Về nguồn gốc đất tranh chấp, thấy rằng:

Theo Công văn số 1052/TTND ngày 10/02/1992 của Bộ I thể hiện: “*Đồng chí Nguyễn Văn T4, sinh năm 1937, cấp bậc Trung tá... được phân phối số đất để cất nhà ở số 1 thuộc khu đất Trường V, thành phố M, Tiền Giang từ năm 1985. Diện tích bề ngang 20, bề dọc 50 bằng 1.000m<sup>2</sup> (nhà ở và đất cải thiện). Là khu vực quân đội quản lý theo hồ sơ Phòng Doanh trại số 01/82 ngày 27/6/1991, đồng chí T4 và vợ, con ruột được làm chủ lâu dài nhưng không có quyền nhượng lại hoặc sang cho người khác*”. Như vậy, phần đất tranh chấp là do Bộ I cấp cho cụ T3 cùng vợ, con cụ T3 từ thời điểm 1985.

[2]. Về quan hệ hôn nhân của cụ Nguyễn Văn T3, thấy rằng:

Vào năm 1953, cụ Nguyễn Văn T3 và cụ Đoàn Thị T1 chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn, có con chung là bà Nguyễn Thị Hoàng S. Theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959, xác định quan hệ hôn nhân giữa cụ T3 và cụ T6 là hôn nhân thực tế.

Đến ngày 26/8/1986, cụ T3 đăng ký kết hôn với cụ Trần Thị X1 và hôn nhân thực tế giữa cụ T3 với cụ T6 chấm dứt. Quá trình chung sống cụ T3 và cụ X1 có một người con nuôi là Nguyễn Thành T.

[3]. Về di sản do cụ Nguyễn Văn T3 để lại, thấy rằng:

Tại Công văn số 7361/UBND-TN & MT ngày 12/12/2018, Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xác định: Đất tranh chấp có nguồn gốc do Quân K 9 cấp cho cụ Nguyễn Văn T4 (Nguyễn Văn T3) theo Giấy chứng nhận sử dụng nhà đất trong quân đội số 1052/TTND ngày 10/02/1992 với diện tích 1.000m<sup>2</sup>. Ngày 31/10/2000, cụ T3 có đơn đăng ký quyền sử dụng đối với diện tích đất trên. Ngày 30/9/2004, hộ gia đình cụ Nguyễn Văn T3 được Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 1.640,7m<sup>2</sup> đất (trong đó có 1.000m<sup>2</sup> đất do Quân Khu 9 cấp cho gia đình cụ T3). Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện đúng quy định pháp luật.



Như vậy, tại thời điểm năm 2004, cụ T3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất nhiều hơn diện tích đất được cấp năm 1985 là 640,7m<sup>2</sup>, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm chưa làm rõ lý do diện tích đất tăng thêm và tăng từ khi nào? Nếu diện tích cụ T3 được cấp từ năm 1985 đến nay là đồng nhất với diện tích thực tế mà cụ T3 sử dụng từ trước đến nay không có biến động về tọa độ, kích thước các cạnh liền ranh mà chỉ do sai số từ khi cấp năm 1985 thì phải xác định đây là tài sản chung của cụ T3 với cụ T6. Nếu diện tích tăng thêm 640,7m<sup>2</sup> này được phát sinh sau thời gian cụ T3 được cấp (năm 1985), thì phải xem xét để xác định là tài sản chung của cụ T3 với cụ T6 hay là tài sản chung của cụ T3 với cụ X1, từ đó mới có căn cứ giải quyết việc tranh chấp chia thừa kế trong vụ án này.

[4]. Đối với di chúc của cụ T3 lập ngày 26/3/2015, thấy rằng:

Ngày 26/5/2015, cụ Nguyễn Văn T3 lập di chúc để lại toàn bộ phần đất thuộc quyền sử dụng của mình có trong thửa đất số 49 tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 771539 ngày 30/9/2004 cho bà Nguyễn Thị Diệp X. Xét di chúc ngày 26/5/2015 của cụ T3, thì thấy: (a) Di chúc được lập tại Phòng C tỉnh tiền G do công chứng viên Triệu Kim E tiếp nhận và thực hiện đúng quy định pháp luật; di chúc đã được vào sổ công chứng số 51, quyển số 01/TP/CC-SCC/HDGD ngày 26/3/2015; (b) Thời điểm lập di chúc cụ T3 hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt, di chúc được lập một cách tự nguyện được thể hiện bằng chính chữ viết của cụ T3: *“Tôi đã đọc lại di chúc. Di chúc thực hiện đúng ý nguyện của tôi”*, sau đó cụ T3 ký tên và điểm chỉ. Mặt khác, vào ngày 02/10/2015 cụ T3 còn trực tiếp nộp đơn yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang tuyên bố cụ Trần Thị X1 mất năng lực hành vi dân sự; ngày 26/11/2015, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự tuyên bố cụ Trần Thị X1 mất năng lực hành vi dân sự.

Như vậy, có căn cứ xác định cụ T3 lập di chúc tại Phòng công chứng trong tình trạng minh mẫn, sáng suốt là phù hợp với quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2005. Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm cho rằng tại thời điểm lập di chúc, cụ T3 đã 78 tuổi và là thương binh hạng A, thương tật hạng 2/4, đồng thời căn cứ vào Hồ sơ bệnh án của Bệnh viện Đ từ ngày 08/5/2015 đến ngày 13/10/2015 và Giấy khám sức khỏe tâm thần ngày 30/3/2015 để kết luận cụ T3 bị hạn chế về thể chất, từ đó vô hiệu Di chúc ngày 26/3/2015 của cụ T3 là không có cơ sở vì các tài liệu này đều được thực hiện sau thời điểm cụ T3 lập di chúc.

[5]. Di chúc ngày 26/3/2015 của cụ T3 xác định:

*“Sau khi tôi qua đời thì toàn bộ phần đất thuộc quyền sử dụng của tôi có trong thửa đất có diện tích 1.640,7m<sup>2</sup> đất vườn + đất ở, thửa đất số 49 tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có giấy tờ nêu trên) tôi sẽ để lại cho cháu tôi có tên sau đây được trọn quyền thừa hưởng là NGUYỄN THỊ DIỆP X, sinh ngày 01/12/1975, chứng minh nhân dân số 273296181 do Công an tỉnh B cấp ngày 05/5/2005. Đây là ý nguyện của tôi nên*

*tôi mong tất cả thân quyến trong gia đình tôn trọng và không ai được cản trở hay tranh chấp bất cứ điều gì”.*

Do di chúc của cụ T3 là hợp pháp nên bà Nguyễn Thị Diệp X được hưởng thừa kế đối với phần diện tích đất của cụ T3 trong tổng số 1.640,7m<sup>2</sup> đất nêu trên; phần diện tích đất còn lại được phân chia thừa kế theo pháp luật.

[6]. Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo di chúc của bà Nguyễn Thị Diệp X, đồng thời chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, liên quan về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với toàn bộ diện tích đất trên là không đúng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 337, Điều 343 và Điều 349 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Chấp nhận Kháng nghị số 36/2023/KN-DS ngày 22/5/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2023/DS-PT ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2022/DS-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Diệp X với bị đơn là bà Nguyễn Thị Hoàng S, ông Nguyễn Thành T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

#### **Nơi nhận:**

- Đ/c Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TP. M, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Các đương sự theo địa chỉ;
- Lưu: Phòng GDKTII, Phòng LTHS, HS, THS.

**TM.ỦY BAN THẨM PHÁN  
CHÁNH ÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Châu**